



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 30
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>7 – 9</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>10</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<i>11 – 12</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	<i>13 – 30</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Quảng Bình được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 59/2003/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2903000010 ngày 19 tháng 11 năm 2003, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3100301045 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi mới nhất lần thứ 12 ngày 11/11/2024.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12: 58.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tiểu khu 13, phường Bắc Lý, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

Điện thoại : 0523 822 365

Fax : 0523 840 721

Mã số thuế : 3100301045

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là sản xuất đồ uống (bia các loại và nước tinh khiết đóng chai); cho thuê tài sản (nhà hàng kinh doanh dịch vụ, nhà kho và nhà văn phòng).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 30).

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Nam Hương	Thành viên	
Bà Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	Đến ngày 24/04/2024
Ông Trần Quang	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Nam Hương	Giám đốc
Ông Trần Quang	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Thanh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên
Ông Trần Đức Giang	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Quảng Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Thị Nam Hương



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình, được lập ngày 06 tháng 03 năm 2025 từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,
Phường Quốc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

[T] (84-24) 3761 3399
[W] www.vpaudit.vn

[F] (84-24) 3761 5599
[E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 12 Phố Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



(Handwritten signature of Nguyễn Văn Tân)

Nguyễn Văn Tân

GCNĐKHNKT số: 5348-2025-124-1

Kiểm toán viên

(Handwritten signature of Lê Mỹ Trang)

Lê Mỹ Trang

GCNĐKHNKT số: 3764-2021-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.113.379.347	19.258.298.109
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.226.041.352	2.023.753.660
1.	Tiền	111		226.041.352	23.753.660
2.	Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	2.000.000.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.534.426.747	9.391.666.940
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	13.475.107.547	9.185.329.002
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		43.546.200	218.488.280
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	168.600.675	140.677.333
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(152.827.675)	(152.827.675)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	5.352.911.248	7.842.877.509
1.	Hàng tồn kho	141		5.352.911.248	7.842.877.509
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.794.273.983	21.927.842.619
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		14.148.022.702	17.835.554.419
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	14.148.022.702	17.835.554.419
	- Nguyên giá	222		165.977.627.345	165.036.261.125
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(151.829.604.643)	(147.200.706.706)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.08	2.145.265.969	2.918.404.465
1.	Nguyên giá	231		10.005.792.259	10.005.792.259
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(7.860.526.290)	(7.087.387.794)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.500.985.312	1.173.883.735
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.026.944.821	1.173.883.735
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.474.040.491	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		42.907.653.330	41.186.140.728

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
 Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.130.803.943	14.295.012.803
I. Nợ ngắn hạn	310		15.951.423.943	14.146.632.803
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.528.517.758	4.090.152.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	333
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	9.621.168.485	8.807.387.212
4. Phải trả người lao động	314		1.616.093.436	1.246.098.736
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	182.650.546	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.993.718	2.993.718
II. Nợ dài hạn	330		179.380.000	148.380.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	179.380.000	148.380.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.776.849.387	26.891.127.925
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	26.445.857.211	26.425.841.529
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		58.000.000.000	58.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		58.000.000.000	58.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.837.594.674	12.837.594.674
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(44.391.737.463)	(44.411.753.145)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(44.411.753.145)	(39.830.876.612)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.015.682	(4.580.876.533)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.15	330.992.176	465.286.396
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		330.992.176	465.286.396
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.907.653.330	41.186.140.728

Quảng Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Trương Thị Bảo Vân

Giám đốc



Nguyễn Thị Nam Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	55.840.515.361	50.858.230.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.840.515.361	50.858.230.013
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	48.180.752.546	47.421.957.457
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.659.762.815	3.436.272.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	195.449.195	71.997.160
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.04	2.527.435.310	2.944.135.074
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	5.279.227.550	5.128.420.253
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.549.150	(4.564.285.611)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	46.848.575	-
12. Chi phí khác	32	VI.07	75.382.043	16.590.922
13. Lợi nhuận khác	40		(28.533.468)	(16.590.922)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.015.682	(4.580.876.533)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		20.015.682	(4.580.876.533)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3	(790)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	3	(790)

Quảng Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Trương Thị Bảo Vân

Giám đốc



Nguyễn Thị Nam Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.015.682	(4.580.876.533)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		5.267.742.213	5.673.862.565
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(195.449.195)	(71.997.160)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.092.308.700	1.020.988.872
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.114.836.465)	(1.600.408.341)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		15.925.770	(321.408.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.835.791.140	3.072.201.032
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		146.938.914	260.174.410
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.976.128.059	2.431.547.061
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(941.366.220)	(533.710.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.200.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		167.525.853	66.147.502
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.773.840.367)	(467.562.498)

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		202.287.692	1.963.984.563
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.023.753.660	59.769.097
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.226.041.352	2.023.753.660

Quảng Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Trương Thị Bảo Vân

Nguyễn Thị Nam Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 01. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 02. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại và dịch vụ
- 03. Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm:
- Sản xuất và kinh doanh mạch nha ủ men bia;
 - Kinh doanh dịch vụ khách sạn; kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
 - Sản xuất đồ uống (bia rượu, nước giải khát);
 - Cho thuê tài sản (nhà hàng kinh doanh dịch vụ, nhà kho và nhà văn phòng).
- 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- 05. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**
Không có
- 06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính năm 2023.
- 07. Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính doanh nghiệp có 74 công nhân viên đang làm việc (số công nhân viên làm việc ngày 01/01/2024 là 69 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 01. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 01. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm
-----------	-------------

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí trả trước phân bổ, chi phí quảng cáo, tiếp thị, chi phí bản quyền...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	226.041.352	23.753.660
+ Tiền mặt	109.762.000	13.435.000
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.279.352	10.318.660
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>2.226.041.352</u>	<u>2.023.753.660</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Quảng Bình.

02. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.000.000.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	2.000.000.000	-
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - CN Quảng Bình.

03. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.205.957.047</i>	<i>8.981.026.502</i>
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội	13.205.957.047	8.981.026.502
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>269.150.500</i>	<i>204.302.500</i>
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Quảng Đức	63.900.000	54.900.000
Các khách hàng khác	205.250.500	149.402.500
Cộng	<u>13.475.107.547</u>	<u>9.185.329.002</u>

04. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Trích trước lãi tiền gửi có kỳ hạn	33.773.000	-	5.849.658	-
- Xí Nghiệp TM DV Vy Vy	117.487.000	117.487.000	117.487.000	117.487.000
- Phải thu cán bộ công nhân viên tiền BHXH	17.340.675	17.340.675	17.340.675	17.340.675
Cộng	<u>168.600.675</u>	<u>134.827.675</u>	<u>140.677.333</u>	<u>134.827.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
 Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng (*)	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng (*)
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền BHXH	17.340.675	-	17.340.675	17.340.675	-	17.340.675
- <i>Đặng Trung Hãn</i>	4.148.625	-	4.148.625	4.148.625	-	4.148.625
- <i>Nguyễn Thanh Tâm</i>	13.192.050	-	13.192.050	13.192.050	-	13.192.050
Phải thu khách hàng ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác	135.487.000	-	135.487.000	135.487.000	-	135.487.000
- <i>Nguyễn Văn Hải (Công nợ Sladek cũ)</i>	18.000.000	-	18.000.000	18.000.000	-	18.000.000
- <i>Xí Nghiệp TM DV Vy Vy</i>	117.487.000	-	117.487.000	117.487.000	-	117.487.000
Cộng	152.827.675	-	152.827.675	152.827.675	-	152.827.675

(*) Tại ngày cuối năm, các khoản nợ xấu đều quá hạn thanh toán trên 3 năm và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các khoản nợ xấu trên.

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.882.903.161	-	5.581.270.565	-
- Công cụ, dụng cụ	30.926.499	-	53.154.528	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.280.253.048	-	1.573.774.045	-
- Thành phẩm	1.158.828.540	-	634.678.371	-
Cộng	5.352.911.248	-	7.842.877.509	-



Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
 Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	30.092.242.782	131.699.551.320	2.963.992.797	280.474.226	165.036.261.125
Mua trong năm	-	941.366.220	-	-	941.366.220
Số cuối năm	30.092.242.782	132.640.917.540	2.963.992.797	280.474.226	165.977.627.345
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	4.849.562.349	82.082.707.884	2.583.562.797	247.724.226	89.763.557.256
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.088.793.459	123.135.156.224	2.696.282.797	280.474.226	147.200.706.706
Khấu hao trong năm	1.509.929.169	3.076.698.768	42.270.000	-	4.628.897.937
Số cuối năm	22.598.722.628	126.211.854.992	2.738.552.797	280.474.226	151.829.604.643
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	9.003.449.323	8.564.395.096	267.710.000	-	17.835.554.419
Số cuối năm	7.493.520.154	6.429.062.548	225.440.000	-	14.148.022.702

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	10.005.792.259	(7.087.387.794)	2.918.404.465
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>			
<i>Khấu hao trong năm</i>		(773.138.496)	(773.138.496)
Số cuối năm	<u>10.005.792.259</u>	<u>(7.860.526.290)</u>	<u>2.145.265.969</u>

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

09. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ và Bao bì luân chuyển	1.026.944.821	1.173.883.735
Cộng	<u>1.026.944.821</u>	<u>1.173.883.735</u>

Thời gian phân bổ:

- Công cụ, dụng cụ và Bao bì luân chuyển được phân bổ trong thời gian từ 24 đến 36 tháng;

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	3.012.256.852	3.012.256.852	2.043.226.872	2.043.226.872
Phải trả người bán khác				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Nam	529.200.000	529.200.000	-	-
Hoàng Văn Thắng	334.560.000	334.560.000	354.773.000	354.773.000
Phải trả người bán khác ngắn hạn	652.500.906	652.500.906	1.692.152.932	1.692.152.932
Cộng	4.528.517.758	4.528.517.758	4.090.152.804	4.090.152.804

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	899.248.609	7.718.537.516	7.497.495.446	-	1.120.290.679
Thuế GTGT bổ sung năm trước (*)	-	-	1.725.000	1.725.000	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	5.557.045.766	46.240.449.128	45.214.323.714	-	6.583.171.180
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.092.837	27.314.119	10.700.330	-	17.706.626
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	42.518.119	42.518.119	-	-
Tiền thuê đất	-	-	1.179.463.312	1.179.463.312	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.350.000.000	3.000.000	453.000.000	-	1.900.000.000
Cộng	-	8.807.387.212	55.213.007.194	54.399.225.921	-	9.621.168.485

(*): Theo tờ khai thuế GTGT tháng 03/2023 điều chỉnh lần 1 đề ngày 20/04/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
 Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty áp dụng giảm thuế GTGT một số mặt hàng từ 10% xuống 8% theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 và Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023.

Trong 6 tháng cuối năm 2024, Công ty áp dụng giảm thuế GTGT một số mặt hàng từ 10% xuống 8% theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí tiền điện	182.650.546	-
Cộng	182.650.546	-

13. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.380.000	148.380.000
Cộng	179.380.000	148.380.000

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	58.000.000.000	12.837.594.674	(39.830.876.612)	31.006.718.062
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	(4.580.876.533)	(10.256.704.130)
Số dư cuối năm trước	58.000.000.000	12.837.594.674	(44.411.753.145)	26.425.841.529
Số dư đầu năm nay	58.000.000.000	12.837.594.674	(44.411.753.145)	26.425.841.529
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	20.015.682	20.015.682
Số dư cuối năm	58.000.000.000	12.837.594.674	(44.391.737.463)	26.445.857.211

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	35.989.700.000	62,05	35.989.700.000	62,05
- Vốn góp của các đối tượng khác	22.010.300.000	37,95	22.010.300.000	37,95
Cộng	58.000.000.000	100	58.000.000.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
 Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.800.000	5.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.800.000	5.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.800.000	5.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.800.000	5.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.800.000	5.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

d. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	12.837.594.674	12.837.594.674
Cộng	12.837.594.674	12.837.594.674

15. Nguồn kinh phí và các quỹ khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	330.992.176	465.286.396
Cộng	330.992.176	465.286.396

16. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại:		
- EUR	-	3,43

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm và phụ phẩm	54.560.211.547	49.581.282.980
Doanh thu cung cấp dịch vụ	114.103.816	106.519.763
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.166.199.998	1.170.427.270
Cộng	55.840.515.361	50.858.230.013

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – QUẢNG BÌNH
 Địa chỉ: Tiểu khu 13, Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và phụ phẩm	46.480.116.483	45.107.213.098
Giá vốn cho thuê BĐS đầu tư	1.232.223.633	1.350.207.401
Giá vốn khác (*)	468.412.430	964.536.958
Cộng	48.180.752.546	47.421.957.457

(*): Là chi phí khấu hao máy móc thiết bị và nhà xưởng phát sinh trong giai đoạn ngừng việc tạm thời.

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	195.449.195	71.997.160
Cộng	195.449.195	71.997.160

04. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	924.431.027	925.935.319
Chi phí nhân công	649.953.510	651.942.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	53.818.960	97.326.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	520.564.467	412.779.991
Chi phí khác bằng tiền	378.667.346	856.151.271
Cộng	2.527.435.310	2.944.135.074

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	63.149.650	76.648.231
Chi phí nhân công	2.775.915.879	2.553.619.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.872.630	174.992.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.121.796.080	1.066.521.581
Chi phí khác bằng tiền	1.186.493.311	1.256.637.781
Cộng	5.279.227.550	5.128.420.253

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán phế liệu	41.848.575	-
Các khoản thu nhập khác	5.000.000	-
Cộng	46.848.575	-

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp và truy thu thuế	37.934.777	2.584.830
Xuất hủy vật tư không sử dụng được	19.518.264	8.719.663
Các khoản khác	17.929.002	5.286.429
Cộng	75.382.043	16.590.922

08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	33.678.889.297	33.483.967.007
Chi phí nhân công	9.170.208.160	8.251.694.295
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.267.742.213	5.673.862.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.426.151.578	6.865.276.460
Chi phí khác bằng tiền	1.675.053.330	2.189.518.163
Cộng	56.218.044.578	56.464.318.490

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Trong năm, Công ty đang trong giai đoạn chuyển lỗ nên không phát sinh thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	20.015.682	(4.580.876.533)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.015.682	(4.580.876.533)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.800.000	5.800.000
Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	3	(790)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.800.000	5.800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.800.000	5.800.000

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo:

Đơn vị tính: VND

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Nam Hương	Giám đốc	287.048.000	266.147.000
Ông Trần Quang	Phó Giám đốc	237.127.200	221.062.400
Bà Trương Thị Bảo Vân	Kế toán trưởng	237.127.200	176.970.400
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phụ trách kế toán	-	41.428.000

Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát:

		Năm nay	Năm trước
HĐQT		177.000.000	189.000.000
Ông Bùi Trường Thắng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	57.000.000
Bà Nguyễn Thị Nam Hương	Thành viên	36.000.000	33.000.000
Bà Nguyễn Bích Thủy	Thành viên	9.000.000	33.000.000
Ông Trần Quang	Thành viên	36.000.000	33.000.000
Ông Nguyễn Minh Thế	Thành viên	36.000.000	33.000.000
Ban Kiểm soát		84.000.000	94.465.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thanh	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000	49.465.000
Bà Nguyễn Thị Minh Phương	Thành viên	24.000.000	22.500.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	24.000.000	22.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần bia rượu nước giải khát Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung	Cùng Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội		
Doanh thu Bán thành phẩm	45.752.832.156	37.733.525.939
Mua nguyên vật liệu và bao bì	14.700.551.794	14.482.353.258
Công ty TNHH MTV TM Habeco Miền Trung		
DV cho thuê	204.000.000	204.000.000
Cước bốc xếp	13.449.270	16.440.975

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3, V.10.

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.528.517.758	-	-	4.528.517.758
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	182.650.546	-	-	182.650.546
Các khoản phải trả khác	-	179.380.000	-	179.380.000
Cộng	4.711.168.304	179.380.000	-	4.890.548.304
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	4.090.152.804	-	-	4.090.152.804
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	-	148.380.000	-	148.380.000
Cộng	4.090.152.804	148.380.000	-	4.238.532.804

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán Nhân Tâm Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Quảng Bình, ngày 06 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng

Trương Thị Bảo Vân

Giám đốc



Nguyễn Thị Nam Hương